



bīng

冰

ice

Common Words

bīng jī líng

冰激凌

ice cream

bīng gùn ér

冰棍儿

Ice lolly / Popsicle

bīng bàng

冰棒

popsicle, ice lolly

Trace each stroke, then write the character on your own.

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		